

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/DS-PT.

Ngày: 20-9-2021.

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2021/TLPT-DS ngày 14/7/2021, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn số 99/2021/QĐ-PT ngày 16/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Triệu Thành D, sinh năm: 1985 và bà Trương Thị T, sinh năm: 1986; cùng địa chỉ: Xã Y, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T1; cùng địa chỉ: Thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho ông Trần Văn M tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 30/07/2020. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại A1; địa chỉ: Thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Triệu Thành D và bà Trương Thị T trình bày:**

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 vợ chồng ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T và vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 thường xuyên mua bán cà phê qua lại với nhau với hình thức ông D, bà T gửi cà phê cho vợ chồng ông M, bà T1 giữ, lúc nào cần bán hai bên chốt giá cà phê tại thời điểm để bán lại cho vợ chồng ông M. Trong khoảng thời gian này ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T đã gửi cho vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 năm lần tổng cộng 6.600kg cà phê nhân xô, sau đó đã bán 600kg còn lại tổng cộng 6.000 kg cà phê nhân xô, cụ thể:

Ngày 11/07/2019 gửi 1.500kg cà phê nhân xô.

Ngày 01/08/2019 gửi 1.500kg cà phê nhân xô, đã bán 500kg còn gửi 1.000kg.

Ngày 17/01/2020 gửi 3.000kg cà phê nhân xô.

Ngày 27/01/2020 gửi 500kg cà phê nhân xô, đã bán 100kg còn gửi 400kg.

Ngày 15/03/2020 gửi 100kg cà phê nhân xô.

Đến ngày 20 tháng 6 năm 2020 ông D, bà T đã thỏa thuận bán cho vợ chồng ông M, bà T1 với giá 31.000 đồng/kg cà phê nhân xô, thành tiền là 6.000 kg x 31.000đ/kg = 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng), ngày 26/06/2020 vợ chồng ông M mới trả được 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và còn nợ lại 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng), vợ chồng ông M có hẹn miệng sau 1 tuần sẽ trả đủ, tuy nhiên đến hạn trả tiền nhưng vợ chồng ông M, bà T1 vẫn không trả cho vợ chồng ông D, bà T. Khi giao dịch mua bán toàn bộ số lượng cà phê nói trên hai bên thỏa thuận ký kết với tư cách cá nhân do ông D, bà T và cá nhân vợ chồng ông M đứng ra giao dịch, không liên quan đến Công ty A1, điều này được thể hiện ở các phiếu gửi giữ cà phê ngày 11/07/2019, ngày 01/08/2019, ngày 17/01/2020, ngày 27/01/2020 và ngày 15/03/2020 không có con dấu của công ty.

Vì vậy, nay ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua cà phê còn thiếu là 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng). Trước đây tại đơn khởi kiện vợ chồng ông bà có yêu cầu tính lãi suất chậm trả nhưng sau đó đã rút một phần yêu cầu này và không yêu cầu vợ chồng ông M, bà T1 phải trả lãi suất chậm trả.

*** Bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:**

Vợ chồng ông bà thành lập Công ty TNHH Thương Mại A1 địa chỉ tổ dân phố 0, thị trấn A, huyện P để kinh doanh cà phê, nông sản. Qua thời gian mua bán đến nay, Công ty TNHH Thương Mại A1 còn nợ lại ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T số tiền 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng) tiền mua cà phê còn thiếu. Tuy nhiên hiện nay do Công ty làm ăn thua lỗ, đã bán hết tài sản trả nợ cho người dân nên chưa trả được cho vợ chồng ông D, bà T.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia đối chất, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M đều vắng. Tòa án đã ban hành và tổng đạt

quyết định đề yêu cầu ông M là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM A1 cung cấp các chứng cứ để chứng minh trách nhiệm trả nợ của Công ty TNHH Thương Mại A1 nhưng đương sự không thực hiện theo yêu cầu của Tòa Án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 181/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 429, Điều 430, Điều 434 và khoản 1, khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T. Buộc vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T số tiền 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2021, bị đơn ông Trần Văn M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 181/2021/DSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; bởi lẽ: Khi vợ chồng ông nhận cả phê của nguyên đơn thì với tư cách Công ty chứ không phải cá nhân. Việc vợ chồng tôi nhận cả phê vì tôi là Chủ tịch hội đồng thành viên, còn vợ tôi là thành viên công ty; Việc cho rằng không đóng dấu công ty vào phiếu gửi nên cá nhân tôi phải chịu là không đúng vì phiếu gửi cả phê không bắt buộc phải đóng dấu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Trần Văn M kháng cáo cho rằng nghĩa vụ trả nợ là của Công ty TNHH TM A1, vì nguyên đơn thực hiện mua bán với công ty, chứ không phải cá nhân. Xét thấy các Phiếu gửi cả phê do ông M là người trực tiếp ký, không có đóng dấu công ty, bên cạnh đó, công ty cũng đã bán hết tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đã tạm ngừng kinh doanh; do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ

luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1 nộp trong thời hạn luật định, ông Trần Văn M là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí DSPT, bà Nguyễn Thị T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Triệu Thành D và bà Trương Thị T.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Các bên đều thống nhất với nhau: Trong thời gian năm 2019-2020 ông D, bà T đã gửi cà phê năm lần, tổng cộng 6.600 kg cà phê nhân xô tại các Phiếu gửi cà phê ngày 11/07/2019, ngày 01/08/2019, ngày 17/01/2020, ngày 27/01/2020 và ngày 15/03/2020. Theo đó, ông D, bà T đã thỏa thuận bán 600kg cà phê nhân xô, còn gửi lại 6.000 kg cà phê nhân xô. Đến ngày 20/6/2020 vợ chồng ông D, bà T đã thỏa thuận bán toàn bộ số lượng 6.000 kg cà phê nói trên với giá 31.000 đồng/kg cà phê nhân xô, thành tiền là $6.000 \text{ kg} \times 31.000\text{đ/kg} = 186.000.000\text{đ}$ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Ngày 26/06/2020 mới trả được 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và còn nợ lại 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng). Do đó, khoản nợ 126.000.000đ thì đã được các bên thống nhất; do đó, đây là chứng cứ đã được chứng minh của vụ án. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền 126.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Về trách nhiệm trả nợ: Xét các Phiếu gửi cà phê ngày 11/07/2019, ngày 01/08/2019, ngày 17/01/2020, ngày 27/01/2020 và ngày 15/03/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ: Tại phần đầu phiếu có tên của Công Ty TNHH Thương Mại A1, địa chỉ: Khối 0, thị trấn A, huyện P. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông D, bà T đều thừa nhận “các lần gửi cà phê nhân xô tôi đều cân cà phê tại kho của ông M, bà T1 tại tổ dân phố 0, thị trấn A, có lần ông M nhận, có lần bà T1 nhận nhưng tôi không nhớ cụ thể. Và các lần gửi đều có phiếu gửi do ông Trần Văn M trực tiếp ký sẵn, sau đó giao cho bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp nhận cà phê của tôi và viết vào phiếu”. Như vậy, có căn cứ để xác định vào các ngày 11/07/2019, ngày 01/08/2019, ngày 17/01/2020, ngày 27/01/2020 và ngày 15/03/2020 ông D, bà T đã gửi cà phê cho Công ty TNHH TM A1. Việc ông Trần Văn M ký tên tại mục người nhận trong phiếu gửi là với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Mặt khác, Công ty TNHH A1 được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 6000631165, đăng ký lần đầu ngày 25/01/2007, thay đổi đăng ký lần thứ nhất ngày 03/9/2009, ngành nghề kinh doanh là: Mua, bán: cà phê, nông sản các loại; bao bì; phân bón; vật tư nông nghiệp (trừ thuốc trừ sâu, diệt cỏ). Danh sách thành viên góp vốn gồm hai thành viên là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T1. Do vậy, việc Công ty TNHH TM A1 nhận gửi cà phê của bà Trương Thị T, ông Triệu Thành D là phù hợp với ngành nghề kinh doanh đã đăng ký. Theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì: “Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu”. Hiện nay, không có quy định nào về việc phiếu gửi cà phê phải đóng dấu, giữa ông D, bà T với ông M cũng như Công ty TNHH TM A1 không có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu nên việc ông M chỉ ký tên mà không đóng dấu tại mục người nhận trong phiếu gửi cà phê không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của phiếu gửi.

[2.3] Đối với việc Công ty TNHH TM A1 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh hoạt động kinh doanh mua bán giữa Công Ty A1 với ông D, bà T; chứng minh số lượng hàng hóa kê khai theo thứ tự thời gian mua hàng; các số liệu hàng hóa nhập kho; việc theo dõi tài sản của Công ty cũng như không chứng minh được toàn bộ số lượng cà phê nhân xô mà ông M mua của bà T, ông D là tài sản của Công Ty A1; HĐXX nhận thấy: Việc sau khi ông M, bà T1 nhận cà phê của bà T, ông D gửi nhưng không thực hiện các thủ tục nhập kho của Công ty là lỗi của cá nhân ông M, bà T1 đối với Công ty TNHH TM A1. Còn Công ty TNHH TM A1 phải chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ đối với giao dịch dân sự do ông Trần Văn M là người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 200 Luật doanh nghiệp. Do đó, Công ty TNHH TM A1 có trách nhiệm phải trả cho ông D, bà T số tiền là 126.000.000 đồng. Việc Bản án sơ thẩm xác định trách nhiệm trả nợ thuộc về cá nhân ông M, bà T1 là không đúng. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 để sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2021/DSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo hướng buộc Công ty TNHH TM A1 có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị T, ông Triệu Thành D số tiền 126.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Công ty TNHH TM A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 126.000.000đ x 5% = 6.300.000 đồng.

[3.2] Ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T không phải chịu án phí DSST và được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

[3.3] Ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí DSST.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần đơn kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm nên ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T1 – Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 429, Điều 430, Điều 434 và khoản 1, khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 200 Luật doanh nghiệp;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Thành D và bà Trương Thị T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại A1 trả cho ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T số tiền 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí: Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại A1 phải chịu 6.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Ông Triệu Thành D, bà Trương Thị T không phải chịu án phí DSST, được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí DSST là 3.150.000 đồng do ông Triệu Thành D đã nộp theo biên lai số AA/2019/0014202 ngày 10/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[4.3] Ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí DSST.

[4.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Văn M đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị T1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Trần Văn M nộp thay theo biên lai số 60AA/2021/0006401 ngày 15/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- CCTHADS huyện P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Anh Tuấn